TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 01 - 2021

V/v tranh chấp "*Ly hôn,*

tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa***: bà Ngô Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 96/2020/TLDS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXHNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Minh H, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Ngọc T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 128, ấp Tầm Đuông, xã Bình H, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông H có mặt, bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của ông Vũ Minh H, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Ông Vũ Minh H trình bày: Vào năm 2009, ông và bà T yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 03 tháng 02 năm 2009, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Ông và bà T tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T không chung thủy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung rồi sinh ra cãi vã thường xuyên. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà T, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Ông xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Vũ Minh H1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2009, giới tính nam; Vũ Ngọc Mỹ H2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2012, giới tính nữ. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung đến tròn 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung vì ông đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của ông H, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tống đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, bà T cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bà T cho Tòa án biết về việc ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho ông H được ly hôn với bà T; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao hai người con chung cho ông H nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì hai người con chung có nguyện vọng được sống chung với ông H và không buộc bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung; về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là bà T có địa chỉ tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[[2] Về sự vắng mặt của bà T tại phiên tòa: Bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hiện nay, ông H và bà T vẫn sống chung nhà nH1 không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sat nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H, xử cho ông H được ly hôn với bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông H vẫn xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi vì, hiện tại ông H làm nghề buôn bán, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nhà ông H gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời, cháu H1, cháu H2 có nguyện vọng sống chung với ông H khi ông H và bà T ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là tiếp tục giao cháu H1, cháu H2 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu H2 là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước; bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Vũ Minh H, xử cho ông Vũ Minh H được ly hôn với bà Đào Thị Ngọc T.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao hai người con chung tên Vũ Minh H1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2009, giới tính nam; Vũ Ngọc Mỹ H2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2012, giới tính nữ cho ông Vũ Minh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Bà Đào Thị Ngọc T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung.

Bà Đào Thị Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Đào Thị Ngọc T thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc ông Vũ Minh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nH1 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009380 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Ông Vũ Minh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu